

TỔNG HỢP ĐIỂM CHUẨN CÁC TRƯỜNG THCS CLC TẠI HÀ NỘI

TÊN TRƯỜNG	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM QUY ĐỔI %	CÁCH TÍNH ĐIỂM	ĐIỂM HẠ (NẾU CÓ)
NĂM HỌC 2025-2026					
<u>THCS Cầu Giấy</u>	25.25	30	84%	Điểm Toán + Điểm Tiếng Việt + Điểm Tiếng Anh + Điểm ưu tiên (nếu có)	
<u>THCS Năng khiếu ĐH Sư Phạm</u>	70	100	70%	Điểm bài đánh giá năng lực tổng hợp	68
<u>THCS Nam Từ Liêm</u>	22.25	30	74%	Điểm Toán + Điểm Tiếng Việt + Điểm Tiếng Anh + Điểm ưu tiên (nếu có)	21.75
<u>THCS Thanh Xuân</u>	57	70	81%	Điểm xét tuyển + Điểm đánh giá năng lực (hệ số 2)	56.25
<u>THCS Nguyễn Tất Thành</u>	24	30	80%	Điểm Toán + Điểm Tiếng Việt + Điểm Tiếng Anh + Điểm ưu tiên (nếu có)	
<u>THCS Ngoại Ngữ</u>	99	120	83%	Điểm quy đổi kết quả giáo dục 5 năm Tiểu Học + Điểm bài Đánh giá năng lực tổng hợp PSA	
<u>THCS Marie Curie</u>	CS Mỹ Đình: 11	20	55%	Điểm Toán + Điểm Tiếng Anh	10
	CS Văn Phú: 9	20	45%		8
	CS Việt Hưng: 9	20	45%		8
<u>THCS Lê Lợi</u>	18.5	30	62%	Điểm Toán + Điểm Tiếng Việt + Điểm Tiếng Anh + Điểm ưu tiên (nếu có)	

TÊN TRƯỜNG	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM QUY ĐỔI %	CÁCH TÍNH ĐIỂM	ĐIỂM HẠ (NẾU CÓ)
NĂM HỌC 2024-2025					
<u>THCS Lương Thế Vinh</u>	20.5	30	68%	Điểm KSĐGNL môn (Toán + Tiếng Việt + Tiếng Anh) + Điểm ưu tiên (nếu có)	CS TT: 18.75CS CG: 19.5
<u>THCS Ngôi Sao Hà Nội</u>	CSI:-42.25 (với HS NSHN)	75	56%	Điểm Toán x2 + Điểm Tiếng Việt + Điểm Tiếng Anh x2	
	-45.25(với HS trường ngoài)	75	60%		
<u>THCS Archimedes</u>	CS Trung Yên: 380	500	76%	Điểm Toán x2 + Điểm Tiếng Việt + Điểm Tiếng Anh x2	
<u>THCS Nguyễn Tất Thành</u>	25	30	83%	Điểm Toán + Điểm Tiếng Việt + Điểm Tiếng Anh + Điểm khuyến khích (nếu có)	
<u>THCS Ngoại Ngữ</u>	26	40	65%	Điểm ĐGNL Khoa học tự nhiên & Toán + Điểm ĐGNL Khoa học xã hội & Tiếng Việt + (Điểm ĐGNL Tiếng Anh x2)	
<u>THCS Cầu Giấy</u>	60	70	86%	Điểm xét tuyển + Điểm kiểm tra x2 + Điểm ưu tiên nếu có (tối đa 1,5 điểm)	
<u>THCS Thanh Xuân</u>	52.4	70	73%	Điểm xét tuyển + Điểm kiểm tra x2 + Điểm ưu tiên (nếu có)	
<u>THCS Nam Từ Liêm</u>	54	70	77%	Điểm xét tuyển + Điểm kiểm tra x2 + Điểm ưu tiên (nếu có)	53.6
<u>THCS Marie Curie</u>	CS Mỹ Đình: 12	20	60%	Điểm môn Toán + Điểm môn Tiếng Anh	11
	CS Văn Phú: 10	20	50%		9
	CS Việt Hưng: 11	20	55%		10
<u>THCS Lê Lợi</u>	21.75	30	73%	Điểm KSĐGNL môn (Toán + Tiếng Việt + Tiếng Anh) + Điểm ưu tiên (nếu có)	

TÊN TRƯỜNG	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM QUY ĐỔI %	CÁCH TÍNH ĐIỂM	ĐIỂM HẠ (NẾU CÓ)
NĂM HỌC 2023-2024					
<u>THCS Lương Thế Vinh</u>	550	700	79%	Điểm KSDGNL môn (Toán + Tiếng Việt + Tiếng Anh)x2 + Điểm học tập Tiểu học + Điểm ưu tiên (nếu có)	
<u>THCS Ngôi Sao Hà Nội</u>	CS1: 44.33 (Toán >=8, Tiếng Anh >= 7) hoặc 39.25 (Toán >= 9, Tiếng Anh >=7)	75	59,11%52,33%	Điểm Toán x2 + Điểm tiếng Việt + Điểm tiếng Anh x2 + Điểm ưu tiên (nếu có)	
	CS 2: 36	75	48%		
<u>THCS Archimedes</u>	CS Trung Yên: 310	500	62%	Điểm Toán x2 + Điểm tiếng Việt + Điểm tiếng Anh x2	
	CS Đông Anh: 260	500	52%		
<u>THCS Nguyễn Tất Thành</u>	25.25	30	84%	Điểm Toán + Điểm Tiếng Việt + Điểm Tiếng Anh + Điểm khuyến khích (nếu có)	25
<u>THCS Ngoại Ngữ</u>	48	80	60%	Điểm bài Trắc nghiệm + Điểm bài Tự luận	
<u>THCS Cầu Giấy</u>	58.5	70	84%	Điểm xét tuyển + Điểm kiểm tra tính hệ số 2 + Điểm ưu tiên nếu có (tối đa 1,5 điểm)	
<u>THCS Thanh Xuân</u>	53.75	70	77%	Điểm xét tuyển + Điểm kiểm tra x2 + Điểm ưu tiên (nếu có)	
<u>THCS Nam Từ Liêm</u>	51.25	70	73%	Điểm xét tuyển + Điểm kiểm tra x2 + Điểm ưu tiên (nếu có)	50.9
THCS Hà Nội Amsterdam	20.85	30	70%	Điểm kiểm tra môn Toán + Tiếng Việt + Tiếng Anh	
<u>THCS Marie Curie</u>	CS Mỹ Đình: 14.5	20	73%	Điểm môn Toán + Điểm môn Tiếng Anh	14
	Cs Văn Phú: 11	20	55%		10.5

TÊN TRƯỜNG	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM QUY ĐỔI %	CÁCH TÍNH ĐIỂM	ĐIỂM HẠ (NẾU CÓ)
Năm học 2022-2023					
<u>THCS Lương Thế Vinh</u>	480	700	69%	Điểm KSDGNL môn (Toán + Tiếng Việt + Tiếng Anh)x2 + Điểm học tập Tiểu học + Điểm ưu tiên (nếu có)	
<u>THCS Ngôi Sao Hà Nội</u>	CSI: 48.5			(Điểm Vòng 1 + Điểm Vòng 2)/2 + Điểm ưu tiên đối tượng-Điểm vòng 1= (Điểm Toán Vòng 1)* 2 + (Điểm Tiếng Anh vòng 1)*2 + Điểm Tiếng Việt Vòng 1 (tổng điểm Toán,TV:45, TA:75)-Điểm vòng 2= (Điểm Toán Vòng 2)* 2 + (Điểm Tiếng Anh vòng 2)*2 + Điểm Tiếng Việt Vòng 2 (tổng điểm mỗi môn:15)	
<u>THCS Archimedes</u>	Vòng 1-CS Trung Yên:380-CS Đông Anh: 300	500	-76%-60%	Điểm Toán x2 + Điểm tiếng Anh x2 + Điểm tiếng Việt	
	Vòng 2: Lớp CLC-Toán: 13,5(TY); 10(ĐA)-Anh: 15,4(TY); 11,5(ĐA)-Khoa học: 14(TY); 10(ĐA)	20		Thang điểm 20	
<u>THCS Nguyễn Tất Thành</u>	24.5	30	82%	Điểm Toán + Điểm Tiếng Việt + Điểm Tiếng Anh + Điểm khuyến khích (nếu có)	24.25

TÊN TRƯỜNG	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM QUY ĐỔI %	CÁCH TÍNH ĐIỂM	ĐIỂM HẠ (NẾU CÓ)
Năm học 2022-2023					
<u>THCS Ngoại Ngữ</u>	53	80	66%	Điểm bài Trắc nghiệm + Điểm bài Tự luận	
<u>THCS Cầu Giấy</u>	55.5	70	79%	Điểm xét tuyển + Điểm kiểm tra tính hệ số 2 + Điểm ưu tiên nếu có (tối đa 1,5 điểm)	
<u>THCS Thanh Xuân</u>	48.65	70	70%	Điểm xét tuyển + Điểm kiểm tra x2 + Điểm ưu tiên (nếu có)	
<u>THCS Nam Từ Liêm</u>	46.5	70	66%	Điểm xét tuyển + Điểm kiểm tra x2 + Điểm ưu tiên (nếu có)	
THCS Hà Nội Amsterdam	17.35	30	58%	Điểm Toán + Điểm Tiếng Việt + Điểm Tiếng Anh	
<u>THCS Marie Curie</u>	CS Mỹ Đình: 11.5	20	58%	Điểm Toán + Điểm Tiếng Anh	11
	CS Văn Phú: 10	20	50%		9.5

TÊN TRƯỜNG	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM QUY ĐỔI %	CÁCH TÍNH ĐIỂM	ĐIỂM HẠ (NẾU CÓ)
Năm học 2021-2022					
<u>THCS Lương Thế Vinh</u>	CS A - Nam Trung Yên: 177	200	89%	Điểm học bạ + Điểm bài khảo sát tổng hợp + điểm ưu tiên	
	CS I - Tân Triều: 172	200	86%		
	22.25	30	74%		
<u>THCS Ngoại Ngữ</u>				- Vòng 1: Thi trắc nghiệm 03 phần KHTN và Toán; KHXH và Tiếng Việt; Tiếng Anh (tối đa 50 điểm)- Vòng 2 (cho 400 HS điểm cao nhất Vòng 1): Thi tự luận 03 phần, cách tính điểm: KHTN và Toán + KHXH và Tiếng Việt + (Tiếng Anh x2) (tối đa 40 điểm) lấy từ trên xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu (100HS)	
<u>THCS Cầu Giấy</u>	56.5	70	81%	Điểm xét tuyển + Điểm kiểm tra tính hệ số 2 + Điểm ưu tiên nếu có (tối đa 1,5 điểm)	
<u>THCS Thanh Xuân</u>	48.5	70	69%	Điểm xét tuyển + Điểm kiểm tra x2 + Điểm ưu tiên (nếu có)	47.5
<u>THCS Nam Từ Liêm</u>	188(xét tuyển)			Tổng điểm KTĐKCN lớp 1,2 + Tổng điểm KTĐKCN lớp 3,4,5 + Điểm ưu tiên, khuyến khích (nếu có)	
THCS Hà Nội Amsterdam	170(xét tuyển)			Điểm học tập Tiểu học + Điểm ưu tiên + Điểm khuyến khích	
<u>THCS Marie Curie</u>	CS Mỹ Đình:13	20	65%	Điểm Toán + Điểm Tiếng Anh	12
	CS Văn Phú: 10	20	50%		8
THCS Hà Nội Amsterdam	20.85	30	70%	Điểm kiểm tra môn Toán + Tiếng Việt + Tiếng Anh	
<u>THCS Marie Curie</u>	CS Mỹ Đình: 14.5	20	73%	Điểm môn Toán + Điểm môn Tiếng Anh	14
	Cs Văn Phú: 11	20	55%		10.5

TÊN TRƯỜNG	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM QUY ĐỔI %	CÁCH TÍNH ĐIỂM	ĐIỂM HẠ (NẾU CÓ)
Năm học 2020-2021					
<u>THCS Lương Thế Vinh</u>	500			Điểm học bạ + (Bài thi Toán + Bài thi Tiếng Việt + Bài thi Tiếng Anh) x2 (tối đa 900 điểm) + điểm ưu tiên	
<u>THCS Nguyễn Tất Thành</u>	22.75	30	76%	Điểm Toán + Điểm Tiếng Việt + Điểm Tiếng Anh + Điểm khuyến khích (nếu có)	22.5
	27.2	40	68%		
<u>THCS Cầu Giấy</u>	24.6	30	82%	Điểm tuyển sinh = Điểm xét tuyển (tối đa 10 điểm) + Điểm kiểm tra x2 (tối đa 20 điểm) + Điểm ưu tiên (nếu có) - Điểm kiểm tra = (Điểm bài kiểm tra môn Toán x0.4 + Điểm bài kiểm tra môn Tiếng Việt x0.3 + Điểm bài kiểm tra môn Tiếng Anh x0.3) x2	
<u>THCS Nam Từ Liêm</u>	20.44	30	68%	Điểm xét tuyển + Điểm kiểm tra x2 + Điểm ưu tiên (nếu có)	
THCS Hà Nội Amsterdam	19.05	30	64%	Điểm Toán + Điểm Tiếng Việt + Điểm Tiếng Anh	
<u>THCS Marie Curie</u>	16	20	80%	Điểm bài 1 (môn Toán) + Điểm bài 2 (môn Tiếng Anh) + Điểm ưu tiên (tối đa 3 điểm)	-Đợt 1: 15.50- Đợt 2: 15.25